

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI TP. HỒ CHÍ MINH**

**KHOA KINH TẾ VẬN TẢI**



**LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP**

**ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG GIAO NHẬN  
HÀNG DỰ ÁN XUẤT NHẬP KHẨU BẰNG ĐƯỜNG BIỂN  
TẠI CÔNG TY TNHH EMPIRE-GROUP**

**Ngành: KINH TẾ VẬN TẢI**

**Chuyên ngành: KINH TẾ VẬN TẢI BIỂN**

**Giảng viên hướng dẫn : ThS. HỨA TẤN THÀNH**

**Sinh viên thực hiện : LÊ NGỌC NGÃU**

**MSSV: 16H4010019 Lớp: KT16CLCA**

**TP. Hồ Chí Minh, năm 2020**

Khoa: Kinh tế văn bản  
Bộ môn: .....

**BẢN NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN PHẢN BIỆN**  
**LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP**

1. Họ và tên sinh viên/ nhóm sinh viên được giao đề tài (sĩ số trong nhóm.....):  
(1) Lê Ngọc Ngẫu MSSV: ..... Lớp: KT15CLCA  
(2) ..... MSSV: ..... Lớp: .....  
(3) ..... MSSV: ..... Lớp: .....  
2. Tên đề tài: Đánh giá thuế hàng hoạt động giao nhận hàng  
dựa vào XNK bằng chứng biến tài của TNHH Empire  
- Group  
3. Nhận xét:

a) Những kết quả đạt được của LVTN:

Tập hợp cơ sở lý luận về giao nhận và XNK hàng  
dựa vào  
Cơ chế thuế tổng quan và công ty TNHH Empire Group  
Đánh giá thuế hàng hoạt động giao nhận hàng dựa vào XNK  
bằng chứng biến tài của và đề xuất 1 số biện pháp cải thiện

b) Những hạn chế của LVTN:

Chưa thể hiện được giữa nhiệm vụ nêu ra và mục  
tiêu mà đưa ra nên chưa luận văn thuế

4. Đề nghị:

Được bảo vệ ☒

Bổ sung thêm đề bảo vệ ☐

Không được bảo vệ ☐

5. Các câu hỏi sinh viên cần trả lời trước Hội đồng:

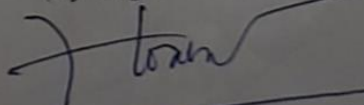
(1) .....

(2) .....

6. Điểm:

TP. HCM, ngày 27 tháng 11 năm 2020

Giảng viên phản biện  
(Ký và ghi rõ họ tên)



PGST. Hồ Thị Thu Hoa

Ghi chú: Đính kèm Phiếu chấm điểm LVTN.

BM-TN-07

Khoa: ..Kinh tế.....

Bộ môn: ..Kinh tế' vận tải biển.....

**BẢN NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN**  
**LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP**

1. **Họ và tên sinh viên/ nhóm sinh viên được giao đề tài (sĩ số trong nhóm.....):**

(1) ..Lê Ngọc Ngân..... MSSV: ..16.H4010019..... Lớp: ..KT16.SLCA.....

(2)..... MSSV: ..... Lớp: .....

(3)..... MSSV: ..... Lớp: .....

Ngành : ..Kinh tế'.....

Chuyên ngành : ..Kinh tế' vận tải biển.....

2. **Tên đề tài:** ..Đánh giá thực trạng hoạt động quốc nhận hàng dư thừa  
..XNK hàng dư thừa tại Công ty TNHH Empire-Group.....

3. **Tổng quát về LVTN:**

Số trang: .....81..... Số chương: .....03.....

Số bảng số liệu: .....12..... Số hình vẽ: .....11.....

Số tài liệu tham khảo: ..... Phần mềm tính toán: .....

Số bản vẽ kèm theo: ..... Hình thức bản vẽ: .....

Hiện vật (sản phẩm) kèm theo: .....

4. **Nhận xét:**

a) **Về tinh thần, thái độ làm việc của sinh viên:**

..SV rất chú trọng và có thái độ rất nghiêm túc trong quá trình  
..thực hiện đề tài.....

b) **Những kết quả đạt được của LVTN:**

..Thực hiện đúng yêu cầu của nhiệm vụ được giao.....

..Hoàn thành đúng tiến độ.....

..Đánh giá thực trạng hoạt động quốc nhận hàng dư thừa  
..tại công ty, thông qua tìm hiểu quá trình, đánh giá kết quả  
..các chỉ tiêu SL, DT, CP......

c) **Những hạn chế của LVTN:**

5. **Đề nghị:**

Được bảo vệ (hoặc nộp LVTN để chấm) ☒

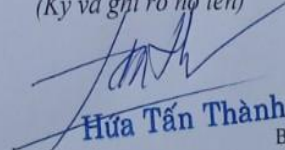
Không được bảo vệ ☐

6. **Điểm thi (nếu có):**

TP. HCM, ngày ..25 tháng ..09 năm ..2018.....

**Giảng viên hướng dẫn**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**Hứa Tấn Thành**

BM-TN-06

## LỜI CẢM ƠN

Em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến quý Thầy, Cô đã tận tình chỉ dạy cho em trong suốt bốn năm theo học tại trường Đại học Giao Thông Vận Tải Thành phố Hồ Chí Minh, đặc biệt là thầy Hứa Tấn Thành – người đã giảng dạy em từ những môn cơ sở ngành và trực tiếp hướng dẫn, đưa ra những chỉ dẫn mang tính khoa học vô cùng quý giá trong suốt quá trình thực hiện bài Luận văn tốt nghiệp này.

Em cũng xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến anh Nguyễn Hữu Toàn – Phó giám đốc, cùng quý anh chị nhân viên tại Công ty TNHH Empire-Group trụ sở Thành phố Hồ Chí Minh đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho em có cơ hội tiếp cận, nghiên cứu hoạt động giao nhận hàng dự án xuất nhập khẩu bằng đường biển tại đây, cũng như cung cấp thông tin thực tế, những tài liệu quan trọng liên quan đến đề tài.

Song, do vốn kiến thức còn nhiều hạn chế, khả năng lập luận, phân tích chưa thực sự sâu sắc nên không làm rõ mọi khía cạnh của đề tài. Bên cạnh đó, còn nhiều khuyết điểm khác trong văn phong và cách trình bày mà bản thân chưa nhận ra. Em rất mong nhận được sự góp ý từ quý Thầy, Cô, đây sẽ là hành trang quý giá giúp em hoàn thiện bản thân trong tương lai.

Em xin chân thành cảm ơn!

Khoa: Kinh tế vận tải.....  
Bộ môn: Kinh tế vận tải biển

## PHIẾU GIAO ĐỀ TÀI LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP

(Phiếu này được dán ở trang đầu tiên của quyển báo cáo LVTN)

- Họ và tên sinh viên/ nhóm sinh viên được giao đề tài (sĩ số trong nhóm.....):
  - (1) Lê Ngọc Ngân..... MSSV: 16.H4010019..... Lớp: KT16CLCA
  - (2)..... MSSV: ..... Lớp: .....
  - (3)..... MSSV: ..... Lớp: .....

Ngành : Kinh tế vận tải  
Chuyên ngành : Kinh tế vận tải biển
- Tên đề tài : Đánh giá thực trạng hoạt động giao nhận hàng  
dự án xuất nhập khẩu bằng đường biển tại công ty  
TNHH Empire - Group.
- Các dữ liệu ban đầu :
  - Số liệu liên quan đến đề tài
  - Bảng kết quả hoạt động SXKD
  - Bảng kết quả thực hiện số lượng HTGN tại CTY
- Các yêu cầu chủ yếu :
  - Cơ sở lý luận về giao nhận & XKH hàng dự án
  - Giới thiệu tổng quan về CTY TNHH Empire - Group
  - Đánh giá thực trạng hoạt động giao nhận hàng dự án XKH  
bằng đường biển tại CTY; + Tìm hiểu quy trình HTGN hàng dự án  
XKH bằng đường biển + Đánh giá thực trạng HTGN + Một số  
giải pháp nâng cao hiệu quả hàng dự án XKH
- Kết quả tối thiểu phải có:
  - 1) Số liệu đầy đủ, chính xác; bảng thống kê tại công ty
  - 2) Quy trình hoạt động giao nhận hàng dự án XKH bằng đường biển
  - 3) Đánh giá thực trạng HTGN
  - 4) Các đề xuất giải pháp phải có tính thực tiễn

Ngày giao đề tài: ...../...../..... Ngày nộp báo cáo: ...../...../.....

TP. HCM, ngày 21 tháng 08 năm 2022..

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

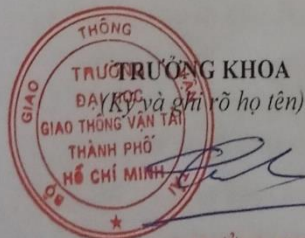
Ths. Hồ Tấn Thành

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Hồ Thị Thu Hoa

BM-TN-02



KT. TRƯỞNG KHOA  
PHÓ TRƯỞNG KHOA  
PGS.TS. Trần Quang Phú

|                                                                                                         |             |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| <b>MỤC LỤC</b>                                                                                          |             |
| <b>DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT TIẾNG VIỆT .....</b>                                                           | <b>iv</b>   |
| <b>DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT TIẾNG ANH .....</b>                                                            | <b>v</b>    |
| <b>DANH MỤC BẢNG .....</b>                                                                              | <b>vii</b>  |
| <b>DANH MỤC BIỂU ĐỒ .....</b>                                                                           | <b>viii</b> |
| <b>DANH MỤC SƠ ĐỒ .....</b>                                                                             | <b>viii</b> |
| <b>PHẦN MỞ ĐẦU .....</b>                                                                                | <b>ix</b>   |
| 1. Lý do chọn đề tài.....                                                                               | ix          |
| 2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....                                                                 | x           |
| 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....                                                                 | x           |
| 4. Phương pháp nghiên cứu .....                                                                         | xi          |
| 5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn đề tài.....                                                            | xi          |
| 6. Kết cấu đề tài .....                                                                                 | xii         |
| <b>Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIAO NHẬN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG DỰ ÁN .....</b>                          | <b>1</b>    |
| <b>1.1 Tổng quan về giao nhận hàng hóa.....</b>                                                         | <b>1</b>    |
| 1.1.1 Khái niệm về giao nhận hàng hóa.....                                                              | 1           |
| 1.1.2 Lịch sử hình thành và phát triển của giao nhận hàng hóa.....                                      | 1           |
| <b>1.2 Vai trò và đặc điểm của giao nhận hàng hóa .....</b>                                             | <b>3</b>    |
| <b>1.3 Tổng quan về hoạt động giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường biển.....</b>                | <b>3</b>    |
| <b>1.3.1 Khái niệm về người giao nhận.....</b>                                                          | <b>3</b>    |
| 1.3.2 Các hoạt động, dịch vụ của người giao nhận .....                                                  | 4           |
| 1.3.3 Vai trò của người giao nhận trong vận tải hàng hóa quốc tế .....                                  | 5           |
| 1.3.4 Quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của người giao nhận trong hoạt động vận tải hàng hóa .....     | 6           |
| <b>1.4 Các tổ chức giao nhận trên Thế giới và ở Việt Nam .....</b>                                      | <b>8</b>    |
| <b>1.5 Khái quát về quy trình giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường biển.....</b>                | <b>9</b>    |
| <b>1.6 Các chứng từ liên quan đến hoạt động giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường biển .....</b> | <b>12</b>   |
| <b>1.7 Tổng quan về hàng dự án .....</b>                                                                | <b>21</b>   |
| 1.7.1 Khái niệm về hàng dự án .....                                                                     | 21          |
| 1.7.2 Đặc điểm và yêu cầu vận chuyển của hàng dự án.....                                                | 22          |
| 1.7.3 Phân loại hàng dự án.....                                                                         | 23          |

|                                                                                                                                                  |           |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>Chương 2: TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH EMPIRE-GROUP .....</b>                                                                                    | <b>24</b> |
| <b>2.1 Giới thiệu khái quát về Công ty TNHH Empire-Group .....</b>                                                                               | <b>24</b> |
| 2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Empire-Group .....                                                                       | 24        |
| 2.1.2 Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của Công ty TNHH Empire-Group ..                                                                      | 25        |
| 2.1.3 Sơ đồ tổ chức và chức năng nhiệm vụ các phòng ban tại Công ty TNHH Empire-Group trụ sở Thành phố Hồ Chí Minh .....                         | 28        |
| 2.1.4 Cơ sở vật chất và nguồn nhân lực tại Công ty TNHH Empire-Group trụ sở Thành phố Hồ Chí Minh.....                                           | 31        |
| 2.1.5 Giá trị cốt lõi của Công ty TNHH Empire-Group.....                                                                                         | 32        |
| <b>2.2 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty TNHH Empire-Group giai đoạn 2018-2019 .....</b>                                       | <b>33</b> |
| <b>2.3 Tình hình thực hiện hoạt động giao nhận hàng dự án theo sản lượng tại Công ty TNHH Empire-Group giai đoạn 2018 – 2019 .....</b>           | <b>42</b> |
| 2.3.1 Tình hình thực hiện hoạt động giao nhận hàng dự án theo sản lượng tại Công ty TNHH Empire-Group giai đoạn 2018 – 2019 theo chiều .....     | 42        |
| 2.3.2 Tình hình thực hiện hoạt động giao nhận hàng dự án theo sản lượng tại Công ty TNHH Empire-Group giai đoạn 2018 – 2019 theo tuyến .....     | 44        |
| 2.3.3 Tình hình thực hiện hoạt động giao nhận hàng dự án theo sản lượng tại Công ty TNHH Empire-Group giai đoạn 2018 – 2019 theo thời gian.....  | 47        |
| 2.3.4 Tình hình thực hiện hoạt động giao nhận hàng dự án theo sản lượng tại Công ty TNHH Empire-Group giai đoạn 2018 – 2019 theo khách hàng..... | 50        |
| 2.4.5 Tình hình thực hiện hoạt động giao nhận hàng dự án theo sản lượng tại Công ty TNHH Empire-Group giai đoạn 2018 – 2019 theo mặt hàng .....  | 54        |
| <b>Chương 3: ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG GIAO NHẬN HÀNG DỰ ÁN XUẤT NHẬP KHẨU BẰNG ĐƯỜNG BIỂN TẠI CÔNG TY TNHH EMPIRE-GROUP .....</b>           | <b>57</b> |
| <b>3.1 Quy trình giao nhận hàng dự án xuất nhập khẩu bằng đường biển tại Công ty TNHH Empire-Group.....</b>                                      | <b>57</b> |
| 3.1.1 Quy trình giao nhận hàng dự án xuất khẩu bằng đường biển tại Công ty TNHH Empire-Group .....                                               | 57        |
| 3.1.2 Quy trình giao nhận hàng dự án nhập khẩu bằng đường biển tại Công ty TNHH Empire-Group .....                                               | 66        |
| <b>3.2 Thực trạng hoạt động giao nhận hàng dự án xuất nhập khẩu bằng đường biển tại Công ty TNHH Empire-Group.....</b>                           | <b>73</b> |
| 3.2.1 Phân tích ma trận SWOT của Công ty TNHH Empire-Group .....                                                                                 | 73        |
| 3.2.2 Đánh giá thực trạng hoạt động giao nhận hàng dự án xuất nhập khẩu bằng đường biển tại Công ty TNHH Empire-Group. ....                      | 74        |

|                                                                                                                                              |           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>3.3 Một số biện pháp cải thiện hoạt động giao nhận hàng dự án xuất nhập khẩu khẩu bằng đường biển tại Công ty TNHH Empire-Group .....</b> | <b>76</b> |
| 3.3.1 Giải pháp khắc phục chậm trễ trong tiếp nhận và xử lý chứng từ .....                                                                   | 76        |
| 3.3.2 Giải pháp khắc phục trong trường hợp tàu trễ lịch.....                                                                                 | 77        |
| 3.3.3 Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.....                                                                                      | 77        |
| 3.3.4 Giải pháp cải thiện hoạt động marketing .....                                                                                          | 78        |
| <b>KẾT LUẬN.....</b>                                                                                                                         | <b>79</b> |
| <b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>                                                                                                              | <b>80</b> |
| <b>PHỤ LỤC.....</b>                                                                                                                          | <b>81</b> |

### **DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT TIẾNG VIỆT**

| <b>STT</b> | <b>Từ viết tắt</b> | <b>Diễn giải</b>           |
|------------|--------------------|----------------------------|
| 1          | CMND               | Giấy Chứng minh nhân dân   |
| 2          | CP                 | Chính phủ                  |
| 3          | NĐ                 | Nghị định                  |
| 4          | NVGN               | Nhân viên giao nhận        |
| 5          | NVKD               | Nhân viên kinh doanh       |
| 6          | NXB                | Nhà xuất bản               |
| 7          | PGS                | Phó Giáo sư                |
| 8          | TCN                | Trước Công nguyên          |
| 9          | Thuế TNDN          | Thuế thu nhập doanh nghiệp |
| 10         | TNHH               | Trách nhiệm hữu hạn        |
| 11         | TP.HCM             | Thành phố Hồ Chí Minh      |
| 12         | TS                 | Tiến sĩ                    |

### DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT TIẾNG ANH

| STT | Từ viết tắt           | Diễn giải tiếng Anh                    | Diễn giải tiếng Việt                                          |
|-----|-----------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| 1   | 4PL                   | Fourth Party Logistics                 | Nhà cung cấp logistics chủ đạo                                |
| 2   | A/N                   | Arrival Notice                         | Thông báo hàng đến                                            |
| 3   | ASEAN                 | Association of Southeast Asian Nations | Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á                              |
| 4   | B/L                   | Bill of Lading                         | Vận đơn đường biển                                            |
| 5   | C/O                   | Certificate of Origin                  | Giấy chứng nhận xuất xứ                                       |
| 6   | CEPT                  | Common Effective Preferential Taiff    | Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung  |
| 7   | COR                   | Cargo outturn report                   | Biên bản hư hỏng                                              |
| 8   | D/O                   | Delivery order                         | Lệnh giao hàng                                                |
| 9   | DC                    | Dry container                          | Container khô                                                 |
| 10  | EDO                   | Electric-Delivery order                | Lệnh giao hàng điện tử                                        |
| 11  | EIR                   | Equipment Interchange Receipt          | Phiếu giao nhận container                                     |
| 12  | Empire-Group Co., Ltd | Empire-Group Company Limited           | Công ty TNHH Empire-Group                                     |
| 13  | ETA                   | Estimated Time of Arrival              | Thời gian dự kiến tàu đến                                     |
| 14  | ETD                   | Estimated time of Departure            | Thời gian dự kiến tàu đi                                      |
| 15  | EU                    | European Union                         | Liên minh Châu Âu                                             |
| 16  | EVFTA                 | European-Vietnam Free Trade Agreement  | Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu |
| 17  | FCL                   | Full container load                    | Hàng vận chuyển nguyên container                              |

|    |       |                                                            |                                                  |
|----|-------|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| 18 | FIATA | International Federation of Freight Forwarders Association | Hiệp hội Giao nhận Quốc tế                       |
| 19 | HB/L  | House Bill of Lading                                       | Vận đơn thứ cấp                                  |
| 20 | IATA  | International Air Transport Association                    | Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế              |
| 21 | ICAO  | International Civil Aviation Organization                  | Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế              |
| 22 | ICC   | International Chamber of Commerce                          | Phòng Thương mại Quốc tế                         |
| 23 | ICD   | Inland Container Depot                                     | Cảng cạn                                         |
| 24 | L/C   | Letter of Credit                                           | Tín dụng thư                                     |
| 25 | LCL   | Less than container load                                   | Hàng lẻ                                          |
| 26 | LOR   | Letter of Revocation                                       | Thư dự kháng                                     |
| 27 | LT    | Local time                                                 | Giờ địa phương                                   |
| 28 | MB/L  | Master Bill of Lading                                      | Vận đơn chủ                                      |
| 29 | NVOCC | Non-vessel operating common carrier                        | Người vận chuyển không khai thác tàu             |
| 30 | OT    | Open-top container                                         | Container hở mái                                 |
| 31 | ROROC | Report on receipt of cargo                                 | Biên bản kết toán nhận hàng với tàu              |
| 32 | SWOT  | Strength-Weakness-Opportunity-Threat                       | Điểm mạnh - Điểm yếu - Cơ hội – Thách thức       |
| 33 | TEU   | Twenty feet equivalent unit                                | Đơn vị container 20 feet                         |
| 34 | VLA   | Vietnam Logistics Business Association                     | Hiệp hội Doanh nghiệp dịch vụ logistics Việt Nam |

## **DANH MỤC BẢNG**

| <b>STT</b> | <b>DANH MỤC BẢNG</b>                                                                                                                            | <b>Trang</b> |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| 1          | Bảng 1.1 Đặc điểm và yêu cầu vận chuyển hàng dự án                                                                                              | 22           |
| 2          | Bảng 2.1 Một số trang thiết bị chính tại Công ty TNHH Empire-Group trụ sở Thành phố Hồ Chí Minh                                                 | 31           |
| 3          | Bảng 2.2 Cơ cấu nhân sự tại Công ty TNHH Empire-Group trụ sở Thành phố Hồ Chí Minh                                                              | 32           |
| 4          | Bảng 2.3 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty TNHH Empire-Group giai đoạn 2018 – 2019                                              | 33           |
| 5          | Bảng 2.4 Tình hình doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ theo lĩnh vực kinh doanh tại Công ty TNHH Empire-Group giai đoạn 2018 – 2019             | 35           |
| 6          | Bảng 2.5 Tình hình giá vốn hàng bán theo lĩnh vực kinh doanh tại Công ty TNHH Empire-Group giai đoạn 2018 – 2019                                | 38           |
| 7          | Bảng 2.6 Tình hình lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ theo lĩnh vực kinh doanh tại Công ty TNHH Empire-Group Co., Ltd giai đoạn 2018 – 2019      | 40           |
| 8          | Bảng 2.7 Tình hình thực hiện hoạt động giao nhận hàng dự án theo sản lượng tại Công ty TNHH Empire-Group giai đoạn 2018 – 2019 theo chiều       | 42           |
| 9          | Bảng 2.8 Tình hình thực hiện hoạt động giao nhận hàng dự án theo sản lượng tại Công ty TNHH Empire-Group giai đoạn 2018 – 2019 theo tuyến       | 44           |
| 10         | Bảng 2.9 Tình hình thực hiện hoạt động giao nhận hàng dự án theo sản lượng tại Công ty TNHH Empire-Group giai đoạn 2018 – 2019 theo thời gian   | 48           |
| 11         | Bảng 2.10 Tình hình thực hiện hoạt động giao nhận hàng dự án theo sản lượng tại Công ty TNHH Empire-Group giai đoạn 2018 – 2019 theo khách hàng | 50           |
| 12         | Bảng 2.11 Tình hình thực hiện hoạt động giao nhận hàng dự án theo sản lượng tại Công ty TNHH Empire-Group giai đoạn 2018 – 2019 theo mặt hàng   | 54           |

## DANH MỤC BIỂU ĐỒ

| STT | DANH MỤC BIỂU ĐỒ                                                                                                                                  | Trang |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| 1   | Biểu đồ 2.1 Tình hình doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ theo lĩnh vực kinh doanh tại Công ty TNHH Empire-Group giai đoạn 2018 – 2019            | 36    |
| 2   | Biểu đồ 2.2 Tình hình giá vốn hàng bán theo lĩnh vực kinh doanh tại Công ty TNHH Empire-Group giai đoạn 2018 – 2019                               | 39    |
| 3   | Biểu đồ 2.3 Tình hình lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ theo lĩnh vực kinh doanh tại Công ty TNHH Empire-Group Co., Ltd giai đoạn 2018 – 2019     | 41    |
| 4   | Biểu đồ 2.4 Tình hình thực hiện hoạt động giao nhận hàng dự án theo sản lượng tại Công ty TNHH Empire-Group giai đoạn 2018 – 2019 theo chiều      | 43    |
| 5   | Biểu đồ 2.5 Tình hình thực hiện hoạt động giao nhận hàng dự án theo sản lượng tại Công ty TNHH Empire-Group giai đoạn 2018 – 2019 theo tuyến      | 45    |
| 6   | Biểu đồ 2.6 Tình hình thực hiện hoạt động giao nhận hàng dự án theo sản lượng tại Công ty TNHH Empire-Group giai đoạn 2018 – 2019 theo thời gian  | 48    |
| 7   | Biểu đồ 2.7 Tình hình thực hiện hoạt động giao nhận hàng dự án theo sản lượng tại Công ty TNHH Empire-Group giai đoạn 2018 – 2019 theo khách hàng | 51    |
| 8   | Biểu đồ 2.8 Tình hình thực hiện hoạt động giao nhận hàng dự án theo sản lượng tại Công ty TNHH Empire-Group giai đoạn 2018 – 2019 theo mặt hàng   | 55    |

## DANH MỤC SƠ ĐỒ

| STT | DANH MỤC SƠ ĐỒ                                                                   | Trang |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|-------|
| 1   | Sơ đồ 2.1 Cơ cấu tổ chức tại Công ty TNHH Empire-Group                           | 28    |
| 2   | Sơ đồ 3.1 Quy trình giao nhận hàng dự án xuất khẩu tại Công ty TNHH Empire-Group | 57    |
| 4   | Sơ đồ 3.3 Quy trình giao nhận hàng dự án nhập khẩu tại Công ty TNHH Empire-Group | 66    |

## **PHẦN MỞ ĐẦU**

### **1. Lý do chọn đề tài**

Trong xu hướng hội nhập toàn cầu, ngành vận tải ngày càng được chú trọng phát triển và đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự thúc đẩy thương mại quốc tế. Hoạt động xuất nhập khẩu như một lĩnh vực mang tính chiến lược của mỗi quốc gia trong việc tìm đầu ra cho sản phẩm thế mạnh của quốc gia mình. Cần phải nói thêm, hoạt động xuất nhập khẩu không chỉ đóng vai trò quan trọng trong thương mại quốc tế, nó còn có tác động to lớn về mặt chính trị. Cụ thể, Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đã chính thức nổ ra vào ngày 22/3/2018 khi Tổng thống Mỹ Donald Trump tuyên bố đánh thuế 50 tỷ USD đối với hàng hóa Trung Quốc xuất khẩu vào Mỹ (để ngăn chặn hành vi thương mại không công bằng và hành vi trộm cắp tài sản trí tuệ từ Trung Quốc). Có thể thấy, đây không chỉ là “cuộc chơi” của các thương nhân và nhà vận tải mà còn nhận được sự quan tâm sâu sắc của bộ máy lãnh đạo của mỗi quốc gia trên thế giới.

Hoạt động giao nhận đóng vai trò quan trọng trong hoạt động xuất nhập khẩu. Với sự phát triển của ngành vận tải, theo thời gian, người kinh doanh dịch vụ giao nhận cũng có những chuyển biến để thích ứng với nhu cầu hiện đại. Tuy nhiên, do đặc điểm của nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành giao nhận nói riêng mà người kinh doanh dịch vụ giao nhận ở nước ta vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Công ty TNHH Empire-Group với hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực giao nhận, logistics, đại lý hải quan... Trải qua nhiều biến chuyển của nền kinh tế trong nước và trên thế giới, Empire-Group giờ đây đã trở thành một doanh nghiệp dẫn đầu về hoạt động logistics tại Việt Nam và có uy tín trên toàn thế giới. Với thế mạnh là cung cấp cho khách hàng dịch vụ 4PL (Fourth Party Logistics – Logistics chuỗi phân phối hay nhà cung cấp Logistics chủ đạo), hiện nay, Công ty thực hiện giao nhận theo kiểu đa dạng hóa các loại hàng hóa bằng nhiều phương thức vận chuyển như: đường hàng không, đường bộ, vận tải đa phương thức, đặc biệt là xuất nhập khẩu hàng hóa bằng đường biển. Đối tác hiện nay của Công ty là những chủ hàng lớn chuyên về hàng dự án – mặt hàng đòi hỏi trình độ chuyên môn cao của nhà cung cấp dịch vụ cùng nền tảng công

nghe thông tin hiện đại cho phép xử lý khối lượng lớn các lô hàng mà vẫn đảm bảo đúng tiến độ giao hàng như thỏa thuận.

Thành tựu đạt được của Công ty TNHH Empire-Group như hiện nay là điều mà nhiều doanh nghiệp logistics quy mô vừa và nhỏ hướng đến. Tuy nhiên, Empire-Group Co., Ltd luôn phải đối mặt với những thách thức từ sự thay đổi trong chính sách của các quốc gia, chiến tranh thương mại, dịch bệnh, sự cạnh tranh của những đối thủ khác... luôn là những “bài toán” khó mà Công ty phải đối mặt. Với mong muốn được tìm hiểu yếu tố tạo nên sự thành công của Công ty TNHH Empire-Group và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện quy trình giao nhận tại Công ty trong phạm vi hiểu biết của mình nên em chọn đề tài **“Đánh giá thực trạng hoạt động giao nhận hàng dự án xuất nhập khẩu bằng đường biển tại Công ty TNHH Empire-Group”**

## **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

### **❖ Mục đích:**

Đánh giá thực trạng hoạt động giao nhận hàng dự án xuất nhập khẩu tại Công ty TNHH Empire-Group để tìm ra những khó khăn và hạn chế của hoạt động giao nhận tại Công ty, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình giao nhận tại Công ty.

### **❖ Nhiệm vụ:**

Tìm hiểu về khái niệm và quy trình giao nhận hàng dự án xuất nhập khẩu.

Tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển, đánh giá tình hình sản lượng và tài chính của Công ty TNHH Empire-Group những năm gần đây.

Đánh giá quy trình giao nhận hàng dự án xuất nhập khẩu tại Công ty TNHH Empire-Group, chỉ ra những mặt hạn chế cần cải thiện.

Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện quy trình giao nhận của Công ty.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **❖ Đối tượng nghiên cứu:**

Thực trạng hoạt động giao nhận hàng dự án xuất nhập khẩu bằng đường biển tại Công ty TNHH Empire-Group.

### **❖ Phạm vi nghiên cứu:**

Các hoạt động giao nhận hàng dự án xuất nhập khẩu bằng đường biển tại Công ty TNHH Empire-Group trụ sở Thành phố Hồ Chí Minh.

Số liệu về hoạt động giao nhận tại Công ty TNHH Empire-Group sử dụng trong bài lấy từ năm 2018 đến năm 2019.

#### **4. Phương pháp nghiên cứu**

##### **❖ Phương pháp thống kê**

Thống kê kinh tế theo chuỗi thời gian 2 năm, từ năm 2018 đến năm 2019.

Thu thập số liệu thông qua các bảng cáo, các báo cáo tài chính và tài liệu mà Công ty cung cấp.

Thu thập thông tin từ các giáo trình chuyên ngành giao nhận, vận tải, bảo hiểm, niên giám thống kê, Tổng cục Hải quan.

Trên cơ sở những tài liệu thu thập được tiến hành xây dựng các bảng biểu, biểu đồ, hình vẽ, xác định các chỉ tiêu kinh tế để phân tích hiệu quả quy trình giao nhận hàng dự án xuất nhập khẩu bằng đường biển.

##### **❖ Phương pháp so sánh**

So sánh các số liệu về hoạt động giao nhận hàng dự án tại Công ty TNHH Empire-Group.

So sánh các số liệu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty TNHH Empire-Group từ Báo cáo tài chính của Công ty.

Số liệu dùng làm gốc so sánh là số liệu năm 2018.

#### **5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn đề tài**

Công ty về dịch vụ giao nhận vận tải, logistics có số lượng không hề nhỏ trên lãnh thổ Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung. Dẫu biết sự cạnh tranh là rất gắt gao giữa các doanh nghiệp cùng ngành nhưng rất nhiều trong số đó vẫn đang tồn tại và phát triển. Lý do nào khiến khách hàng đưa ra lựa chọn giữa rất nhiều doanh nghiệp cùng cung cấp một loại hình dịch vụ? Có rất nhiều yếu tố dẫn đến quyết định của họ nhưng nhìn chung các doanh nghiệp phải xây dựng thương hiệu cho riêng mình nhằm tạo ấn tượng cho khách hàng về một đặc trưng hay thế mạnh nào đó của doanh nghiệp mà không bị nhầm lẫn với các công ty khác.

Không phải ngẫu nhiên mà Công ty TNHH Empire-Group đạt được vị thế như ngày hôm nay. Trải qua thời gian dài xây dựng chất lượng dịch vụ của Công ty, với cam kết tuyệt đối về thời hạn giao hàng cùng những thành tựu đạt được trong quá khứ khiến Công ty chiếm được lòng tin từ phía khách hàng. Do đó, với đề tài này, em đang tìm kiếm sự khác biệt của Công ty trong tư duy tổ chức vận hành. Đây vừa là bài học quý báu cho bản thân em vừa là cơ hội để những ai có mong muốn tìm hiểu về nghiệp vụ giao nhận hàng dự án xuất nhập khẩu bằng đường biển tại Công ty TNHH Empire-Group có thể tham khảo tài liệu này.

## **6. Kết cấu đề tài**

**Chương 1: Cơ sở lý luận về giao nhận và xuất nhập khẩu hàng dự án.**

**Chương 2: Tổng quan về Công ty TNHH Empire-Group.**

**Chương 3: Đánh giá thực trạng hoạt động giao nhận hàng dự án xuất nhập khẩu bằng đường biển tại Công ty TNHH Empire-Group.**

# **Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIAO NHẬN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG DỰ ÁN**

## **1.1 Tổng quan về giao nhận hàng hóa**

### **1.1.1 Khái niệm về giao nhận hàng hóa**

Năm 2004, Hiệp hội giao nhận quốc tế FIATA đưa ra khái niệm về dịch vụ giao nhận hàng hóa và logistics là mọi loại dịch vụ có liên quan đến việc vận chuyển (được thực hiện bằng đơn hoặc đa phương thức), gom hàng, lưu kho bãi, xếp dỡ, đóng gói và phân phối hàng hóa, cũng như các dịch vụ bổ sung và tư vấn có liên quan, kể cả nhưng không hạn chế các vấn đề về hải quan và tài chính, khai báo chính thức hàng hóa, mua bảo hiểm hàng hóa và thanh toán thu hoặc nhận chứng từ liên quan đến hàng hóa. Các dịch vụ giao nhận cũng bao gồm các dịch vụ logistics với công nghệ thông tin – truyền tin hiện đại có liên quan đến vận chuyển, xếp dỡ, lưu kho hàng hóa và hiển nhiên là quản trị toàn bộ chuỗi cung ứng. Các dịch vụ này có thể thu xếp khéo léo sao cho có thể áp dụng một cách linh hoạt các dịch vụ đó.

Theo Luật Thương mại Việt Nam năm 2005, Mục 4, Điều 233 quy định dịch vụ giao nhận là hoạt động thương mại, theo đó người làm dịch vụ giao nhận hàng hoá nhận hàng từ người gửi, tổ chức vận chuyển, lưu kho, lưu bãi, làm các thủ tục giấy tờ và các dịch vụ khác có liên quan để giao hàng cho người nhận theo sự uỷ thác của chủ hàng, của người vận tải hoặc của người giao nhận khác.

Nói một cách ngắn gọn, giao nhận là tập hợp những nghiệp vụ, thủ tục có liên quan đến quá trình vận tải nhằm thực hiện việc di chuyển hàng hóa từ nơi gửi hàng (người gửi hàng) đến nơi nhận hàng (người nhận hàng). Người giao nhận có thể làm các dịch vụ một cách trực tiếp hoặc thông qua đại lý và thuê dịch vụ của người thứ ba.

### **1.1.2 Lịch sử hình thành và phát triển của giao nhận hàng hóa**

Vào những năm 1.200 TCN, khi những tàu buôn đầu tiên của người Ai Cập cổ đại cập bến hòn đảo Sumatra của Indonesia đã đánh dấu mốc quan trọng trong ngành vận tải biển của thế giới. Đến thế kỷ thứ X, mạng lưới thương mại quốc tế được hình thành khi các tàu buôn của Trung Quốc thực hiện lộ trình hàng hải qua Ấn Độ Dương.

Thế kỷ XVI, các nhà hàng hải Châu Âu từ các nước có ngành hàng hải phát triển mạnh như Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Anh, Hà Lan chính thức thiết lập tuyến thương mại hàng hải phạm vi toàn cầu và từ đó thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động buôn bán, trao đổi hàng hóa giữa các quốc gia, khu vực có tuyến hàng hải quốc tế đi qua.

Đặc điểm lớn nhất của buôn bán quốc tế là người mua và người bán ở hai quốc gia khác nhau. Để hàng hóa từ người bán ở nước xuất khẩu đến tay người mua ở nước nhập khẩu trải qua rất nhiều công đoạn như: đóng gói, lưu kho, xếp lên phương tiện vận chuyển, dỡ hàng từ phương tiện vận chuyển...và dịch vụ giao nhận ra đời từ đó. Đặc trưng của dịch vụ giao nhận hàng hóa trong thời kỳ này là được gom chung với dịch vụ vận tải nghĩa là nhà cung cấp dịch vụ vận tải sẽ kiêm thực hiện công tác giao nhận cho lô hàng tại nước xuất khẩu và nhập khẩu nhưng nhìn chung hoạt động này vẫn còn mang tính tự phát chưa có tổ chức.

Năm 1522, hãng giao nhận đầu tiên trên thế giới với tên gọi E.Vansai được thành lập tại Baliday (Thụy Sĩ). Hãng này kinh doanh cả hai dịch vụ vận tải lẫn giao nhận với mức phí giao nhận rất cao khoảng 1/3 giá trị lô hàng (Theo PGS.TS Hoàng Văn Châu (1999), *Vận tải – Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu*). Có thể thấy trong giai đoạn này, dịch vụ giao nhận vẫn chưa có nét đặc trưng riêng nên chưa được xem là một ngành nghề riêng biệt.

Dần dần, dịch vụ giao nhận tách rời khỏi vận tải và buôn bán để trở thành ngành kinh doanh độc lập, đây là hệ quả mang tính tất yếu cho thấy dịch vụ giao nhận chính là sản phẩm của quá trình chuyên môn hóa và phân công lao động. Đặc biệt với dấu mốc là sự tiên phong của nhà vận tải người Mỹ Malcom Purcell McLean khi sử dụng container để chứa hàng trong vận chuyển đường biển năm 1956 đã mang đến những chuyển biến quan trọng trong ngành vận tải biển thời bấy giờ. Tính chuyên môn hóa của container yêu cầu trình độ chuyên môn của người giao nhận phải ở mức tương xứng.

Sự cạnh tranh gắt gao giữa các doanh nghiệp kinh doanh về dịch vụ giao nhận đòi hỏi một tổ chức đứng ra làm trung gian đảm bảo cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp. Các Hiệp hội giao nhận trong phạm vi một cảng, một khu vực hay một

nước ra đời nhưng có tầm quan trọng và ảnh hưởng rõ rệt mang tính toàn cầu phải kể đến Hiệp hội giao nhận quốc tế (FIATA) thành lập năm 1926.

Gắn liền với sự phát triển mạnh mẽ của mậu dịch trên thế giới và sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, ngày nay, dịch vụ giao nhận quốc tế không chỉ thực hiện các nghiệp vụ cơ bản như: đóng gói hàng hóa, xếp dỡ, lưu kho, thủ tục thông quan, chứng từ... mà còn tổ chức các dịch vụ trọn gói cả quá trình lưu thông hàng hóa, cung cấp các dịch vụ giá trị gia tăng như: tư vấn về vận tải, tư vấn về thị trường,...

## **1.2 Vai trò và đặc điểm của giao nhận hàng hóa**

Dịch vụ giao nhận hàng hóa giúp tiết kiệm thời gian, giảm chi phí trong lưu thông và phân phối hàng hóa. Nhờ việc cắt giảm được chi phí vận chuyển sẽ góp phần giảm giá thành, tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm. Chủ hàng cũng tiết kiệm được thời gian khi dùng dịch vụ giao nhận.

Dịch vụ giao nhận góp phần mở rộng thị trường buôn bán quốc tế bởi nếu muốn mở rộng quy mô sản xuất cần phải có mạng lưới giao nhận rộng khắp để tìm đầu ra cho sản phẩm. Dịch vụ giao nhận có vai trò liên kết, đảm bảo tính chính xác về thời gian vận chuyển, địa điểm giao nhận hàng hóa giữa các quốc gia và vùng lãnh thổ. Qua đó, nhà sản xuất có thể tận dụng ưu thế này để mở rộng thị trường.

Ngoài ra, dịch vụ giao nhận giúp hoàn thiện và tiêu chuẩn hóa chứng từ trong kinh doanh quốc tế. Bởi các nhà kinh doanh dịch vụ giao nhận trên thế giới thông qua các Tổ chức, Hiệp hội đã đi đến thống nhất về quy chuẩn của các chứng từ nhằm đảm bảo sự linh hoạt, thuận tiện cho hoạt động giao nhận diễn ra trên toàn cầu.

## **1.3 Tổng quan về hoạt động giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường biển**

### **1.3.1 Khái niệm về người giao nhận**

Theo Luật Thương mại Việt Nam năm 2005, Mục 4, Điều 233 quy định thương nhân (người giao nhận) tổ chức thực hiện một hoặc nhiều công việc bao gồm nhận hàng, vận chuyển, lưu kho, lưu bãi, làm thủ tục hải quan, các thủ tục giấy tờ khác, tư vấn khách hàng, đóng gói bao bì, ghi ký mã hiệu, giao hàng hoặc các dịch vụ khác có liên quan đến hàng hóa theo thỏa thuận với khách hàng để hưởng thù lao.